

## Ý NGHĨA CỦA ĐỊA DANH KHÁNH HÒA THỂ HIỆN QUA NGUỒN GỐC NGÔN NGỮ

Huỳnh Lê Chi Hải\*

Trường Đại học Khánh Hòa

Ngày nhận bài: 12/08/2020; ngày nhận đăng: 10/09/2020

### Tóm tắt

*Trong địa danh học, bên cạnh các vấn đề nghiên cứu như cấu tạo địa danh, phương thức định danh thì việc tìm hiểu nguồn gốc và ý nghĩa của địa danh là một vấn đề quan trọng hàng đầu. Bởi thông qua nghĩa của địa danh, chúng ta không chỉ nắm được những đặc điểm của đối tượng địa lý mà còn làm sáng tỏ những đặc điểm văn hóa, lịch sử, thiên nhiên và con người của một vùng đất. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày đặc điểm ý nghĩa của địa danh được thể hiện qua nguồn gốc ngôn ngữ trên một địa bàn cụ thể là tỉnh Khánh Hòa.*

**Từ khóa:** địa danh, ý nghĩa của địa danh, nguồn gốc ngôn ngữ, Khánh Hòa.

### 1. Đặt vấn đề

Hiện nay, việc nghiên cứu địa danh ở tỉnh Khánh Hòa mới chỉ dừng lại trên lĩnh vực nghiên cứu lịch sử, văn hóa dân gian và sưu tầm địa bạ. Trên lĩnh vực nghiên cứu lịch sử và văn hoá dân gian, nhiều bài viết của các tác giả: Nguyễn Công Bằng, Ngô Văn Ban, Quách Giao, Thái Thị Hoàn, Lê Quang Nghiêm,... có đề cập đến địa danh thuộc địa bàn tỉnh Khánh Hòa. Ngoài ra, địa danh còn được nghiên cứu và trình bày trong luận văn của thạc sĩ Huỳnh Lê Thị Xuân Phương, tuy nhiên tác giả chủ yếu tập trung tìm hiểu địa danh dưới góc nhìn của văn hóa học.

Mặc dù những công trình trên có giá trị liên quan đến địa danh của tỉnh Khánh Hòa. Tuy nhiên, các tác giả chủ yếu tìm hiểu địa danh trên bình diện văn học, lịch sử, văn hóa, du lịch; chưa khai thác sâu về mặt ngôn ngữ học.

Hướng tiếp cận địa danh dưới góc độ ngôn ngữ học chú trọng làm rõ nguồn gốc và nghĩa của địa danh. Bởi địa danh là loại tín hiệu có tính lý do giữa cái biểu đạt và

cái được biểu đạt. Điều này, ta thường thấy trong định nghĩa địa danh học: là bộ môn nghiên cứu về nguồn gốc, ngữ nghĩa của địa danh. Chính vì vậy, hướng tiếp cận địa danh dưới góc độ ngôn ngữ học là hướng nghiên cứu chính của bài viết.

Từ kết quả thống kê bảng 1 cho thấy, địa danh tỉnh Khánh Hòa có nguồn gốc khá đa dạng. Chiếm số lượng lớn nhất là các địa danh có nguồn gốc Hán Việt (56,6%) và thuần Việt (25,8%). Tuy số lượng các địa danh có nguồn gốc khác chiếm tỉ lệ không cao nhưng lại có sự đa dạng nhất định. Điều này cũng không quá khó để lý giải là bởi Khánh Hòa là vùng đất có nhiều dân tộc cùng cư trú (32 dân tộc đang sinh sống trên địa bàn tỉnh). Vùng đất này xưa kia là vùng đất cũ của vương quốc Champa. Về sau, trong quá trình nam tiến, Khánh Hòa là điểm dừng chân của người Việt. Vùng đất này trở thành vùng đệm, đây là nơi giao thoa và tiếp xúc của các nền văn hóa. Một trong những minh chứng rõ rệt cho sự giao thoa và tiếp xúc ngôn ngữ chính là lớp từ địa danh có nguồn gốc khác (từ gốc Chăm, từ có nguồn gốc từ tiếng dân tộc thiểu số).

\* Email: huynhlechihai@gmail.com

**Bảng 1:** Kết quả thống kê và phân loại địa danh tỉnh Khánh Hòa theo tiêu chí nguồn gốc ngôn ngữ

TT	Loại hình	Số lượng địa danh theo nguồn gốc ngôn ngữ					Cộng		
		TV	HV	NNK	Hỗn hợp		Chưa xác định	Số lượng	Tỉ lệ %
					TV+HV	NNK+HV			
1	Địa danh tự nhiên	390	173	42	22	1	10	638	13,1
2	Địa danh chỉ đơn vị dân cư sinh sống	508	1741	105	464	47	31	2896	59,5
3	Địa danh công trình xây dựng	356	845	32	74	30	0	1337	27,4
<b>Tổng</b>	Số lượng	1254	2759	179	560	78	41	<b>4871</b>	100
	Tỉ lệ %	25,8	56,6	3,7	11,5	1,6	0,8	<b>100</b>	

Ghi chú: TV: Thuần Việt; HV: Hán Việt; NNK: Ngôn ngữ khác

## 2. Nghĩa của địa danh thể hiện qua nguồn gốc ngôn ngữ

### 2.1. Địa danh có nguồn gốc thuần Việt và Hán Việt

Khi tìm hiểu đặc điểm ngữ nghĩa của địa danh trên địa bàn Khánh Hòa, chúng tôi nhận thấy những địa danh có ý nghĩa rõ ràng tồn tại với số lượng tương đối lớn. Đây là những địa danh được hầu hết người bản ngữ hiểu một cách dễ dàng. Tên gọi của các đối tượng địa lý phản ánh những đặc điểm tự nhiên của chúng một cách khách quan. Đa số các địa danh có nguồn gốc thuần Việt và Hán Việt trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa đều rõ về nghĩa.

Những địa danh có nguồn gốc thuần Việt đa số đều rõ ràng về nghĩa. Thông thường, nghĩa của chúng phản ánh đặc điểm, tính chất của bản thân đối tượng được định danh. Chủ thể định danh quan sát trực tiếp đối tượng để rút ra những đặc điểm, tính chất của đối tượng, từ đó chọn nét điển hình nhất để đặt tên cho đối tượng. Chẳng hạn, địa danh được gọi theo hình dáng của đối tượng như *lạch Cổ Cò* (huyện

Vạn Ninh); hay địa danh được gọi theo kích thước của đối tượng như *cửa Hẹp* (thành phố Cam Ranh); có thể gọi theo tính chất của đối tượng, hay loại vật liệu, khoáng sản liên quan đến đối tượng như *dốc Đá Trắng* (huyện Vạn Ninh); cũng có thể địa danh được gọi theo vật liệu xây dựng đối tượng như *cầu Gỗ* (cầu được tạo thành bởi những thanh gỗ ghép lại với nhau, bắc qua sông Cái nối với 5 thôn khác của các xã Vĩnh Ngọc, Vĩnh Thạnh, Vĩnh Trung và phường Ngọc Hiệp ở thành phố Nha Trang);...

Bên cạnh những địa danh có nguồn gốc thuần Việt, các địa danh được cấu tạo bằng các yếu tố Hán Việt chủ yếu mang ý nghĩa phản ánh tâm lý, nguyện vọng của chủ thể định danh. Phần lớn các địa danh này là địa danh hành chính cư trú. Chẳng hạn như *xã Vạn Phú* (huyện Vạn Ninh) thể hiện nguyện vọng của con người về một vùng đất giàu có, trù phú; hay như tên các *phường Phước Long* (thành phố Nha Trang), *xã Vạn Long* (huyện Vạn Ninh). Yếu tố *Long* vừa có ý nghĩa là hưng thịnh vừa có nghĩa là rồng – linh vật thần thoại

được tin là mang lại điềm lành, sự may mắn, thịnh vượng; là biểu tượng của vua

Mặc dù đa số các địa danh được cấu tạo bằng các yếu tố Hán Việt chủ yếu mang ý nghĩa phản ánh tâm lý, nguyện vọng của chủ thể định danh nhưng trong thực tế vẫn tồn tại một số địa danh gốc Hán phản ánh những sự vật, yếu tố có quan hệ với đối tượng địa lý. Chẳng hạn như trường hợp địa danh *đồng Trăn* ở huyện Diên Khánh, rất nhiều người dân ở tỉnh Khánh Hòa nhầm lẫn giữa *đồng Trăn* và *đồng Trăng*. Vậy đâu mới thật sự là cách viết đúng. Sở dĩ có sự nhầm lẫn này là bởi cách phát âm của người Khánh Hòa thường không phân biệt âm cuối /ŋ/ và /n/, dân địa phương thường phát âm *đồng Trăn* thành *đồng Trăng*. Thậm chí, hiện tại ở xã Diên Đồng (huyện Diên Khánh) có giáo xứ mang tên *Đông Trăng*. Nhiều người cho rằng tiếng *Trăng* là gốc Nôm nghĩa là mặt trăng, vì đồng có ánh mặt trăng soi sáng nên gọi tên *đồng Trăng*. Ngoài ra trong quá trình điền dã, chúng tôi ghi nhận được nhiều người dân nơi đây cho rằng những người đầu tiên đến đây khai khẩn thấy trăn bò lổn ngổn nên mới đặt là *Đông Trăn*.

Tuy nhiên, tất cả các cách lý giải nghĩa trên đều dựa theo lối từ nguyên học dân gian (folk etymology). Để xác định nguồn gốc và ý nghĩa của địa danh *đồng Trăn*, chúng tôi đã tra cứu bản đồ cổ của địa phương và cuốn *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn* của tác giả Nguyễn Đình Đầu. Tự dạng chữ Hán của *đồng Trăn* được viết như sau 仝榛 (Nguyễn Đình Đầu, 1997, tr.88), đọc theo âm Hán Việt là *đồng Trăn*. Chữ *Trăn* viết theo nét chữ Hán (榛) thuộc bộ “Mộc” 10 nét. *Trăn* có 3 nghĩa 1: cây trăn; 2: bụi cây; 3: bùm tum, vương vít (Thiều Chửu, 2019, tr.276). Như vậy *Trăn* ở đây không phải là chỉ động vật con trăn như

chúa; biểu trưng cho sự mạnh mẽ, hùng tráng và uy lực bất bại.

Nhiều người đã giải thích, mà *Trăn* là tên một loại thực vật phổ biến ở vùng này. Người xưa dùng tên của thực vật để gọi tên cho đối tượng địa lý. Như vậy, chúng tôi thiết nghĩ cần thay đổi và sửa chữa để gọi đúng và viết đúng một địa danh như lịch sử đã ghi nhận.

Ngoài ra, một số địa danh được cấu tạo bằng yếu tố Hán Việt còn phản ánh vị trí tồn tại, định vị phương hướng của đối tượng được định danh so với đối tượng khác như: *khóm Phú Lộc Tây*, *khóm Phú Lộc Đông* (huyện Diên Khánh), *thôn Đại Điền Đông* – *thôn Đại Điền Nam* – *thôn Đại Điền Tây* (huyện Diên Khánh),...

Ngoài địa danh thuần Việt và địa danh Hán Việt, trên địa bàn Khánh Hòa còn tồn tại những địa danh có dạng cấu tạo “nửa Hán nửa Nôm” khá độc đáo. Chẳng hạn như *sông Hà Ra* đây là tên nhánh sông Cái ở phía hạ lưu chảy ra biển thành phố Nha Trang. Sông Cái đoạn từ Ngọc Hội trở xuống chia làm hai nhánh trước khi chảy ra biển thành phố Nha Trang: một nhánh chảy xuống xóm Bống rồi đổ ra cửa Lớn; nhánh kia chảy vào Phương Sài rồi chảy xuống Hà Ra. Nơi đây nước xoáy thành đầm Xương Huân (nay đã bị lấp để xây chợ Đầm), chảy xuống xóm Cồn rồi đổ ra cửa biển thành phố Nha Trang. Phân tích địa danh *sông Hà Ra* thì yếu tố ngôn ngữ *Hà* (Hán) nghĩa là sông còn *Ra* (Việt) biểu thị hướng di chuyển từ trong ra ngoài, trái nghĩa với vào; *Hà Ra* tức là khúc sông chảy ra biển. Tên gọi của đối tượng địa lý phản ánh đúng đặc điểm tự nhiên của đối tượng. Ở Khánh Hòa, còn tồn tại nhiều địa danh có dạng cấu tạo tương tự sông Hà Ra, chẳng hạn như các địa danh có cấu tạo Hán+Việt: *sông Hà Dừa*, *thôn Hà Già*, *cầu Hà Ra*,... hay các địa danh có cấu tạo Việt+Hán như *đèo Cỏ*

Mã, đèo Rọ Tượng, thôn Đá Bàn, cảng Đá Bạc,...

## 2.2. Địa danh có nguồn gốc từ tiếng các dân tộc thiểu số

Bên cạnh những địa danh thuần Việt, địa danh Hán Việt và những địa danh có cấu tạo “nửa Hán nửa Nôm” thì còn tồn tại trên địa bàn tỉnh những địa danh có nguồn gốc từ tiếng các dân tộc thiểu số. Các địa danh có nguồn gốc từ tiếng các dân tộc thiểu số tiêu biểu là các địa danh có nguồn gốc từ tiếng Chăm, Raglai, Ê-đê,... Trong đó, người Chăm được xác định là cư dân bản địa ở khu vực duyên hải Nam Trung Bộ Việt Nam nói chung và Khánh Hòa nói riêng nên trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa vẫn còn tồn tại một số những địa danh gốc Chăm như Nha Trang (*Ýa Trang*) nghĩa là sông lau, vịnh Nha Phu (*Ýa Ru*) tức là thác nước, hòn Cà Đung ở huyện Khánh Vĩnh (*kađung* tiếng Chăm nghĩa là lúa) (Lý Tùng Hiếu & Lê Trung Hoa, 2011). Hay địa danh Cam Ranh theo tiếng Chăm, tiếng J'rai hoặc tiếng Êđê là: *KămM'ran*; *Kăm* có nghĩa là dồn một chỗ, một đồng, tập trung lại, hay gọi là bến; *M'ran* có nghĩa là: tàu, thuyền, đò; nghĩa chung là nơi tàu, thuyền tập trung hay gọi là bến tàu, thuyền, sau này phiên âm sang tiếng Việt từ *KămM'ran* đọc thành Cam Ranh. Nếu so sánh với các tỉnh lân cận như Bình Định, Phú Yên thì địa danh gốc Chăm ở tỉnh Khánh Hòa còn nhiều hơn so với địa danh gốc Chăm ở các tỉnh này.

Trong phức thể địa danh ở tỉnh Khánh Hòa có một số yếu tố tiếng dân tộc thiểu số phổ biến như các từ đầu tên sông suối ao hồ như *Ea*(Lê Trung Hoa, 2010, tr.118) trong các phức thể địa danh sách *EaKsung*, xã *Ea M' Dual*, xã *Ea Pal*, xã *Ea Trang* (trước đây thuộc huyện Khánh Dương – Khánh Hòa, nay thuộc huyện M'Đrăk, ĐăkLăk); *Krong* (yếu tố ngôn ngữ chỉ tên sông, suối) yếu tố này chuyển hóa thành một bộ phận

của thành tố riêng như *tổng KrongHinh*, *tổng KrongGinh*. Từ đầu tên núi *Chur* (Lê Trung Hoa, 2010, tr.115) như *hòn Chur Tông* ở huyện Khánh Vĩnh (nghĩa là núi đất), *hòn Chur Bon Gion* (huyện Khánh Vĩnh), *hòn Chur Ma Bao* (thị xã Ninh Hòa),... Nhìn chung, so với các địa danh có nguồn gốc thuần Việt và Hán Việt thì các địa danh có nguồn gốc từ tiếng các dân tộc thiểu số không nhiều nhưng lại tạo nên sự phong phú đa dạng và đặc sắc cho tổng thể địa danh ở tỉnh Khánh Hòa.

Trong quá trình tìm hiểu các địa danh có nguồn gốc từ tiếng dân tộc thiểu số ở tỉnh Khánh Hòa, chúng tôi không thể bỏ qua các địa danh có nguồn gốc từ tiếng Raglai. Trong nhóm các dân tộc thiểu số ở tỉnh Khánh Hòa, người Raglai chiếm số lượng dân cư đông đảo nhất. Người Raglai cư trú chủ yếu ở huyện Khánh Sơn. Tiếng Raglai là một ngôn ngữ trong ngữ chi Malay-Polynesia thuộc ngữ hệ Nam Đảo (nhóm này ở Việt Nam gồm Chăm, Raglai, Chu Ru, Êđê, Giarai). Từ đó cho thấy người Raglai có quan hệ nguồn gốc với người Chăm. Raglai là một nhánh của dân tộc Chăm. Thành ngữ của người Chăm có câu nói: “Chăm sa-ai Raglaiadei”. Nghĩa là người Chăm là người chị cả còn người Raglai con gái út trong gia đình. Địa danh *thác Yang Bay* là minh chứng thú vị bằng ngôn ngữ cho quan hệ nguồn gốc của người Chăm và người Raglai. Trong quá trình điền dã, già làng Raglai giải thích *thác Yang Bay* có nguồn gốc từ *thác Nhang Bay* (*ChhaYacPapor*), có nghĩa là thác ở trên cao đổ xuống bay ra một khoảng rộng. *Yac* là biến âm từ *Yang*, trong cách phát âm của người Raglai thì con chữ C (*Yac*) gần giống với NG (*Yang*) của người Chăm. Người Raglai ở tỉnh Ninh Thuận ảnh hưởng tiếng Chăm nên phát âm là NG, *Yang* nghĩa là thần linh, người Kinh dịch là *Nhang* hoặc

*Giàng*. Vì đa số người Raglai ở Khánh Vĩnh gốc Bắc Ái nên phát âm theo phương ngữ Raglai Nam là *Yác*. Vì thế chúng tôi cho rằng tiếng *Yang* nghĩa là thân, bởi theo tín ngưỡng của người Raglai các sự vật như sông, thác, núi,... đều có thần linh (vạn vật hữu linh). Còn đối với tiếng *Papor* nghĩa là bay, có lẽ vì thế mà người Kinh dịch theo tiếng Việt là *Yang Bay*.

Tuy các địa danh có nguồn gốc từ tiếng dân tộc thiểu số là tiếng Raglai không nhiều nhưng trong quá trình nghiên cứu và tìm hiểu địa danh tỉnh Khánh Hòa không thể bỏ qua. Địa danh có nguồn gốc từ tiếng Raglai chủ yếu tập trung ở huyện Khánh Sơn, tiêu biểu như các địa danh như: *thôn Tà Nĩa*, tên thôn bắt nguồn từ tên *đồi Tà Nĩa*, tiếng Raglai là *ĐlòcVaràq* nghĩa là đồi gió mùa; *thôn Mò O*, tên thôn gọi theo loài cây mò o mọc phổ biến trong vùng. Hay như *thôn Xóm Cỏ* (xã Sơn Bình, huyện Khánh Sơn), đây là tên một làng cổ của dân tộc Raglai “*làng Xóm Cỏ*” (*PaloiSuãh*). Tên làng được đặt theo đặc điểm làng là nơi có nhiều lau lách và loại cỏ sắc là loại cỏ rất nhạy bén. Thông thường các làng cổ của đồng bào được hình thành đều mang tính chất đặc điểm của làng đó, nên khi nhắc tên làng, người ta biết đặc điểm của dân làng và địa điểm đó. Cũng có trường hợp tên làng mới được đặt theo đặc điểm của làng cũ, chẳng hạn như bà con dân tộc ở *khu Du Oai* thuộc vùng Suối Dầu di cư đến sinh sống gần bên sông Curoh đã đặt tên làng mới là *Du Oai Lẻ* (nghĩa là *Du Oai nhỏ*) để nhớ về quê hương cũ.

Một số địa danh có nguồn gốc từ tiếng Raglai được Việt hóa bằng cách lược bỏ bớt các yếu tố để dễ gọi tên. Chẳng hạn như: địa danh *thác Tà Gụ*, theo tên gọi của người Raglai là *ChhaTacRugùq*; trong đó *Chhacó* nghĩa là thác, *Tac* có nghĩa là tảng đá, *Rugùq* là kết hợp hai từ *Ruvùc* là suối,

*gùq* là gộp. *ChhaTacRugùq* nghĩa là thác đá tảng suối gộp. Người Kinh gọi rất khó nên gọi tắt là *thác Tà Gụ* (*ChhaTacGùq*). Hay như địa danh *hòn Dù* (huyện Khánh Vĩnh), đây là tên một ngọn núi có từ lâu đời ở huyện Khánh Vĩnh. Người Raglai gọi *hòn Dù* là *Churq Du Hual*, trong đó *Churq* là núi, *Du* là sỏi/ sỏi bọt, *Hual* là mây. *Churq Du Hual* có nghĩa là núi có mây phủ như sỏi bọt. Người Kinh gọi tắt là *hòn Dù* (*Churq Du*).

Hơn nữa trong các sinh hoạt văn hóa cộng đồng, người Raglai rất thích kể trường ca, truyện thần thoại, truyện cổ tích..., các hình thức nghệ thuật này vừa mang giá trị lịch sử vừa có tính giáo dục sâu sắc. Hình thức hát đối đáp khá phổ biến trong sinh hoạt văn nghệ của họ. Những địa danh thường xuất hiện trong các tác phẩm trường ca và truyện cổ của người Raglai. Ví như địa danh *dốc Gạo* ở huyện Khánh Sơn, *dốc Gạo* theo tiếng Raglai là *ChuwqJamacuãiq*, các nghệ nhân Raglai khi hát kể chuyện cổ về *dốc Gạo* thường dùng từ *Churq Hoh VraJamacuãiq* với nghĩa là *núi Hóc Gạo Tắm*. Theo sử thi *Coi MasrĩhMỏq Vila* (ông Masrĩh bà Vila) do nghệ nhân văn hóa dân gian Mầu Thị Giêng kể thì khi Trời biết ông Masrĩh bà Vila lấy mất bầu máu phép thì nổi giận sai Ông Thần Sấm Bà Thần Sét (Coi GrõmMỏqCatàl), Ông Thần Rằm Bà Thần Rền (Coi Ru-uh Mỏq Ru-Ồm), Ông Thần Bão Bà Thần Gió Lốc (Coi RuvùqMủqTaso) xuống đánh phá tất cả núi non, cây cối do Cõi MasrĩhMỏq Vila dựng nên. Các vị thần dâng nước lên cao, Cõi MasrĩhMỏq Vila sai Đá Hú (PatouSadùq) gọi muôn loài đến cùng đắp núi cao hơn nhưng nước ngày càng dâng cao khiến con người chết hết và muôn vật cũng chết vô kể. Cõi MasrĩhMỏq Vila bèn cho con Chim Thần Trắng và con Chim Thần Đen mang theo nhiều vật thần đi rải xuống các ngọn

núi chưa gặp hết nước. Con Chim Thần Trắng mang hạt gạo thần thả xuống chóp núi, núi đó trở thành *núi Hóc Gạo Tắm* hay còn gọi là *dốc Gạo* (Churq Hoh VraJamacuñiq) ở thị trấn Tô Hạp ngày nay; thả cái Chà Gạc thần xuống trở thành *núi Tà Gạc* (ChurqTagac) ở Thành Sơn. Chim Thần Đen hay còn gọi là Quạ Thần thả phân xuống đỉnh núi thành *núi Cứt Quạ* hay *núi Quạ* (Churq Cha- Àq) ở xã Sơn Bình ngày nay. Ngoài ra địa danh *dốc Gạo* còn được nhắc đến trong truyện thần thoại của người Raglai về hai anh em Icuai và Udur sau khi cầu thần linh đánh tan các thần độc ở *suối Tà Gụ*, vị thần núi Ogha biết ơn Udur đã nhờ Thần Sấm Sét giết loài Thần Độc đã từng gây ra nhiều khó khăn cho mình, nên đã tặng cho Udur Mã La Thần, Udur đem về để ở *dốc Gạo* với mong muốn Mã La Thần kêu gọi hồn lúa, bắp về nhiều cho nhân dân no đủ. Mã La Thần liền hóa thân vào đá núi *dốc Gạo*. Vì lẽ đó, người Raglai lấy đá ở *dốc Gạo* làm đàn đá treo ở rẫy để kêu gọi hồn lúa, hồn bắp về cho lúa, bắp sai trái, đẻ nhánh, bà con được mùa.

### 2.3. Địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài

Ở tỉnh Khánh Hòa ngoài những địa danh có nguồn gốc thuần Việt, Hán Việt và gốc dân tộc thiểu số còn tồn tại một số các địa danh có nguồn gốc từ tiếng nước ngoài. Đa số những địa danh này đã được phiên âm và Việt hóa. Chẳng hạn các đảo lớn nhỏ ở huyện đảo Trường Sa như *đá Cô Lin*, *đá Len Dao*, *đảo Nam Yết*,... Trong đó *đá Cô Lin* là một rạn san hô thuộc cụm Sinh Tồn của quần đảo Trường Sa. Đá này nằm cách đảo Sinh Tồn 9 hải lý (17 km) về phía tây nam, cách đá Gạc Ma khoảng 1,9 hải lý về phía tây bắc (3,5 km) và cách đá Len Dao 6,8 hải lý (12,6 km) về phía tây - tây nam. Về tên gọi, tên quốc tế (tiếng Anh) của *đá Cô Lin* là *Collins Reef*. Về mặt quản lý

hành chính của Việt Nam, *đá Cô Lin* thuộc xã Sinh Tồn, huyện Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa. Trên các bản đồ hành chính của địa phương đều dùng tên gọi *đá Cô Lin* để thể hiện đối tượng địa lý này. *Đá Cô Lin* có dạng hình tam giác, độ dài mỗi cạnh khoảng 1 hải lý. Khi thủy triều lên, *đá Cô Lin* bị chìm xuống nước; khi thủy triều xuống thấp chỉ có một vài hòn đá nổi lên.

*Đá Len Dao* là một rạn san hô thuộc cụm Sinh Tồn của quần đảo Trường Sa. Đá này nằm cách đá Gạc Ma 5,5 hải lý (10,2 km) về phía đông bắc và cách đảo Sinh Tồn 6,5 hải lý (12 km) về phía đông nam. Về tên gọi đá này có tên quốc tế là *Lansdowne Reef*, tên đá được chuyển sang tiếng Việt là *đá Len Dao*. Một tháng sau trận Hải chiến Trường Sa 1988 giữa Việt Nam và Trung Quốc, các cán bộ chiến sĩ của Việt Nam đã chiến đấu và giữ vững chủ quyền của dân tộc tại các đá này. 64 cán bộ chiến sĩ cùng với 3 tàu chiến đấu của chúng ta đã vĩnh viễn nằm lại trong lòng biển cả. Hằng năm, vào ngày 14 tháng 3 những người lính giữ đảo Trường Sa anh hùng nói riêng và người dân Khánh Hòa nói chung đều thấp hương để tri ân tưởng nhớ các chiến sĩ đã anh dũng hy sinh vì sự nghiệp bảo vệ quần đảo Trường Sa.

*Đảo Nam Yết*, tên quốc tế là *Namyit Island*, là một đảo san hô thuộc cụm Nam Yết của quần đảo Trường Sa. Đảo này nằm cách đảo Ba Bình khoảng 11 hải lý về phía nam và cách đảo Sinh Tồn 33 km về phía bắc - đông bắc. Hiện Việt Nam đang kiểm soát đảo này, *đảo Nam Yết* là một phần của xã Sinh Tồn, huyện Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa. Đảo có dạng hình bầu dục hơi hẹp bề ngang, nằm theo trục đông - tây với chiều dài khoảng 600m, chiều rộng khoảng 125m và diện tích đạt 6ha. *Đảo Nam Yết* là đảo nổi lớn thứ 2 trong quần đảo Trường Sa (sau đảo Ba Bình).

Bên cạnh đó, trong xu thế toàn cầu hóa, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa tồn tại một số địa danh được cấu tạo từ tiếng nước ngoài, đa phần đều là các địa danh chỉ đơn vị dân cư mới lập hoặc công trình được xây dựng bởi các công ty đầu tư nước ngoài như *khu đô thị Garden Bay* (thành phố Nha Trang), *khu đô thị Golden Bay* (thành phố Cam Ranh), *khu đô thị River Park* (thành phố Nha Trang), *cảng Nhà Máy Đóng Tàu Hyundai – Vinashin* (thị xã Ninh Hòa),... Thông qua các địa danh có các yếu tố tiếng nước ngoài, chúng tôi nhận thấy tâm lý thích dùng tiếng nước ngoài để đặt tên cho các đối tượng địa lý của người Việt hiện đại.

#### **2.4. Địa danh chưa xác định được nguồn gốc**

Trong hệ thống địa danh ở tỉnh Khánh Hòa, bên cạnh những địa danh có ý nghĩa rõ ràng còn tồn tại một số địa danh chưa được xác định rõ ràng về nghĩa. Đây là những địa danh mà người dân địa phương cũng không biết rõ ý nghĩa của chúng. Nguyên nhân của việc chưa xác định rõ ý nghĩa của địa danh là bởi địa danh chứa các yếu tố ngôn ngữ cổ, ngoại lai, các yếu tố ngôn ngữ bị biến âm hoặc không có các đặc điểm liên quan đến đối tượng được định danh trong địa danh. Đặc biệt, các địa danh thuộc ngôn ngữ các dân tộc thiểu số thường không rõ ràng về nghĩa. Đó là những địa danh làng bản của các tộc người: Raglai, Cơ-ho, Ê-đê, Tày, Nùng, Chăm, Khmer, Thổ,... Các tộc người này chủ yếu sinh sống ở miền núi thuộc 2 huyện Khánh Sơn và Khánh Vĩnh. Nơi đây có những địa danh tiếng dân tộc đã được Việt hóa theo cách phát âm của người Việt như *thác Dằng Xay*, *thôn Gia Rít*, *thôn Đa Râm*, *thôn Tà Mơ*,... Có thể thấy, việc xác định nguồn gốc ý nghĩa của các địa danh trên không phải chuyện dễ dàng bởi có nhiều lớp dân

cư cùng chung sống trên một địa bàn (ở tỉnh Khánh Hòa có 32 dân tộc đang cùng sinh sống trên địa bàn) dẫn đến việc tiếp xúc, giao thoa về mặt ngôn ngữ. Vì thế để truy nguyên nguồn gốc ngữ nghĩa là việc làm khá khó khăn. Thêm vào đó, hầu hết các địa danh tiếng dân tộc thiểu số đều bị Việt hóa cả về cách đọc lẫn cách viết làm lu mờ và sai lệch ý nghĩa ban đầu của địa danh.

Qua đó cho thấy, để tìm hiểu nguồn gốc, ý nghĩa của các địa danh, ngoài việc nghiên cứu dựa vào hình thức ngữ âm hiện có (vỏ ngôn ngữ) của địa danh, các nhà nghiên cứu còn phải đi sâu nghiên cứu ngôn ngữ và văn hóa của các dân tộc thiểu số một cách đầy đủ và toàn diện hơn.

#### **3. Kết luận**

Địa danh ở tỉnh Khánh Hòa có nhiều nguồn gốc khác nhau. Trong đó, đại đa số có nguồn gốc thuần Việt hoặc Hán Việt. Địa danh có nguồn gốc thuần Việt thường gặp ở loại hình địa danh chỉ các đơn vị dân cư và địa danh tự nhiên, còn địa danh có nguồn gốc Hán Việt thường thấy ở loại hình địa danh chỉ các đơn vị dân cư sinh sống. Bên cạnh đó, mặc dù những địa danh có nguồn gốc ngôn ngữ khác không nhiều nhưng lại rất đa dạng. Hơn nữa, chính những địa danh này góp phần tạo nên sự khác biệt và nét đặc sắc cho địa danh tỉnh Khánh Hòa.

Nhìn chung, địa danh Hán Việt và thuần Việt chiếm ưu thế trong địa danh tỉnh Khánh Hòa. Tuy vậy, việc tìm hiểu ý nghĩa hệ thống địa danh ở tỉnh Khánh Hòa không phải là điều đơn giản, bởi trên thực tế có nhiều tên gọi cũ, tên gọi dân gian được sử dụng trong giao tiếp nhưng lại không được tìm thấy trên bản đồ và tư liệu lịch sử hành chính của tỉnh, vì vậy tồn tại một số trường hợp khó xác định được nghĩa. Bên cạnh đó, địa danh có nguồn gốc từ tiếng dân tộc

thiểu số là một thách thức trong nghiên cứu địa danh ở tỉnh Khánh Hòa, bởi hầu hết tiếng dân tộc thiểu số đã phiên âm qua tiếng Việt. Đồng thời, trên một địa bàn có

nhiều dân tộc cùng sinh sống, nên để cắt nghĩa rõ ràng một địa danh có nguồn gốc từ tiếng dân tộc thiểu số nào là điều không phải dễ dàng□

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Lê Trung Hoa. (2010). *Địa danh học Việt Nam*. Hà Nội: Nxb Khoa học Xã hội.
- Nguyễn Đình Đầu. (1997). *Nghiên cứu địa bạ triều Nguyễn Khánh Hòa*. TP.Hồ Chí Minh: Nxb TP Hồ Chí Minh.
- Thiều Chừu. (2019). *Hán Việt Tự điển*. Hà Nội: Nxb Dân trí.
- Trần Kiên Hoàng, Nguyễn Hữu Bài, Lê Văn Hoa, Trần Vũ, ChamaliaqRiyaTieng. (2014). *Văn hóa dân gian Raglai ở Khánh Hòa*, TP.Hồ Chí Minh: Nxb Văn hóa - Văn nghệ.
- UBND tỉnh Khánh Hòa. (2003). *Địa chí Khánh Hòa*. Hà Nội: Nxb Chính trị Quốc gia.

---

## The meaning of Khanh Hoa toponym determined from its linguistic origin

**Huynh Le Chi Hai**

*Khanh Hoa University*

*Email: huynhlechihai@gmail.com*

*Received: August 12, 2020; Accepted: September 10, 2020*

### Abstract

*In terms of toponymy, in addition to the research issues such as toponym structure, method of identification, understanding the origin and meaning of the toponyms is an important issue. Through the meaning of a toponym, we not only know about the characteristics of a geographical subject, but also clarify the cultural, historical, natural and human features of a land. In this article, we would present the features and meaning of a toponym determined from its linguistic origin in a concrete area, which is Khanh Hoa province.*

**Keyword:** *toponym, meaning of toponymy, linguistic origin, Khanh Hoa.*